

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3500/QĐ-BTNMT ngày 25/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Chung cư Tecco Center Point tại Lô A, khu 2, Khu đô thị mới Bắc đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần - Tổng công ty Tecco Hà Nội;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 126/CV-TECCO ngày 03/11/2022 của Công ty cổ phần Tổng công ty Tecco Hà Nội về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Chung cư Tecco Center Point tại Lô A, khu 2, Khu đô thị mới Bắc đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1083/TTr-STNMT ngày 12 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần Tổng công ty Tecco Hà Nội, địa chỉ tại Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Chung cư Tecco Center Point tại Lô A, khu 2, Khu đô thị mới Bắc đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Chung cư Tecco Center Point tại Lô A, khu 2, Khu đô thị mới Bắc đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A, khu 2, Khu đô thị mới Bắc đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0103701293 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/4/2009; cấp thay đổi lần thứ 14, ngày 01/6/2020.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 0103701293.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, nhà ở.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích đất toàn bộ khu vực dự án: 3.864 m².

- Công suất: Đầu tư xây dựng đồng bộ công trình nhà ở chung cư và công trình công cộng gồm 25 tầng nổi với diện tích xây dựng 48.570m² (không bao gồm tum thang) và 03 tầng hầm với quy mô 462 căn hộ chung cư, đáp ứng quy mô dân số 1.300 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về quản lý nước thải và bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Tổng công ty Tecco Hà Nội:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Tổng công ty Tecco Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 20 tháng 12 năm 2022 đến ngày 20 tháng 12 năm 2032).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần -
Tổng công ty Tecco Hà Nội (để t/h);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /12/2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1 Nguồn số 1 (Nguồn phát sinh nước thải thường xuyên): Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các căn hộ của tòa nhà và các cán bộ quản lý tòa nhà chung cư bao gồm: Nước thải qua bể tự hoại như từ bồn cầu, bồn tiểu; nước tắm, rửa, giặt phát sinh từ khu vệ sinh của Nhà văn phòng điều hành,... lưu lượng lớn nhất 238m³/ngày đêm.

1.2. Nguồn số 2 (Nguồn phát sinh nước thải không thường xuyên, 01 lần/năm): Nước thải từ quá trình thay nước bể bơi với lưu lượng lớn nhất 187m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng nước thải số 1 (Nước thải sinh hoạt sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung): Cống thoát nước chung của khu vực dọc tuyến đường Nguyễn Tĩnh, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa sau đó chảy ra Kênh Vinh đoạn chảy qua phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Dòng nước thải số 2 (Nước thải từ quá trình thay nước bể bơi): Hệ thống mương, cống thoát nước mặt chung của dự án dọc tuyến đường Nguyễn Tĩnh phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa sau đó chảy ra Kênh Vinh đoạn chảy qua phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả thải:

- Vị trí xả thải số 1 (Nước thải sinh hoạt sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung): Cống thoát nước chung của khu vực dọc tuyến đường Nguyễn Tĩnh phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰): X=2191375; Y=583138.

- Vị trí xả thải số 2 (Nước thải từ quá trình thay nước bể bơi): Cống thoát nước mặt chung của dự án dọc tuyến đường Nguyễn Tĩnh phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰): X=2187934; Y=580380

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 425m³/ngày đêm (24 giờ), trong đó:

- Vị trí xả thải số 1 (Nước thải sinh hoạt sau Hệ thống xử lý nước thải tập

trung): 238m³/ngày đêm (24 giờ).

- Vị trí xả thải số 2 (Nước thải từ quá trình thay nước bể bơi 01 lần/năm): 187m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Dòng nước thải số 1: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 300m³/ngày đêm được bơm cưỡng bức qua đường ống PVC, DN200 ra cống thoát nước chung dọc tuyến đường Nguyễn Tĩnh, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa sau đó chảy ra Kênh Vinh đoạn chảy qua phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo phương thức xả mặt.

- Dòng nước thải số 2: Nước thải từ quá trình thay nước bể bơi được thải qua đường ống PVC, DN110 ra mương thoát nước mặt của dự án tại phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa sau đó chảy ra Kênh Vinh đoạn chảy qua phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo phương thức xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K = 1,2), cụ thể như sau:

STT	Tên chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K = 1,2)
1	pH	-	5,0 – 9,0
2	BOD ₅	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
5	Sunfua (theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (Tính theo N)	mg/l	60
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
9	Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý:

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 1 (bao gồm: Nước đen là nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; nước xám là nước thải từ bồn rửa, vệ sinh sàn, tắm rửa, giặt giũ, nước thải nhà ăn, nhà bếp từ các hộ dân và khu dịch vụ được

xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ) được thu gom bằng hệ thống đường ống ngầm về Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 2 (Nước thải từ quá trình thay nước bể bơi) được thu gom, lắng cặn rồi xả mương thoát nước chung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại, bể tách dầu mỡ → Đường ống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300m³/ngày đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt từ các căn hộ, khu dịch vụ → Bể tự hoại, bể tách dầu mỡ của tòa nhà → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý → Bơm nước thải → Nguồn tiếp nhận.

- Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng với các bể chứa nước thải có dung tích chứa gấp 4,7 lần khối lượng nước thải phát sinh/ngày đêm.

- Công suất thiết kế: 300 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch PAC, polyme, Clorapmin B (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 phần A của Phụ lục này)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt .

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có tổng dung tích chứa nước 1.128 m³ (trong đó: 02 bể tự hoại có dung tích 628m³, hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng dung tích 500m³) gấp 4,7 tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hằng ngày; các bể chứa nước trong hệ thống xử lý nước thải có thể vận hành công suất tối đa đạt 150% công suất thiết kế. Trong quá trình vận hành nếu hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố sẽ được cô lập bằng các van đóng mở để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của hệ thống. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra để kiểm soát lưu lượng xả thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

+ Nếu sự cố không đến mức nghiêm trọng, công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của hệ thống xử lý nước thải và khẩn trương khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng (từ tháng 20/12/2022 đến tháng 3/2023).

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải tại bể điều hòa và mẫu nước thải tại bể chứa nước thải sau xử lý.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này).

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Công ty phải dừng ngay hoạt động vận hành và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.2. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào trong quá trình hoạt động.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /12/2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Nguồn khí thải số 1: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, lưu lượng 300m³/giờ (theo công suất quạt hút).

1.2. Nguồn khí thải số 2: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 1 (không thường xuyên, chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng), lưu lượng 2.707m³/giờ.

1.3. Nguồn khí thải số 3: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 2 (không thường xuyên, chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng), lưu lượng 4.512m³/giờ

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải số 1 (Khí thải (mùi) phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi được thu gom, xử lý): Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰ múi chiều 3⁰): X=2191373; Y=583162.

- Vị trí xả thải số 2 và số 3: (Khí thải sau các máy phát điện) Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰ múi chiều 3⁰): X=2191356; Y=583186.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 300 m³/giờ (theo công suất quạt hút).

- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.707m³/giờ.

- Dòng khí thải số 3: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.512m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 1: Khí thải (mùi) phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi được thu gom, xử lý sau đó qua ống thoát khí xả thải ra môi trường, xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

- Dòng khí thải số 2 và số 3: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 1 và máy phát điện dự phòng số 2 được thu gom xử lý bằng hệ thống xử lý kèm theo các máy phát điện, sau đó xả thải qua ống khói ra môi trường, xả không liên tục (Chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải sau xử lý:

- Đối với dòng khí thải số 1: Chất lượng khí thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục A, ban hành kèm theo Tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 7222: 2002: Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Đối với dòng khí thải số 2 và dòng số 3: Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số $k_p=1,0$; $k_v=0,6$, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $K_p = 1,0$; $K_v = 0,6$)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180
2	NO ₂	mg/Nm ³	510
3	SO ₂	mg/Nm ³	300
4	CO	mg/Nm ³	600

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Khí thải (mùi) từ bể MBBR (bể hiếu khí) của hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC riêng về hệ thống xử lý khí thải (tháp hấp thụ khí thải) đặt tại tầng hầm số 1 sau đó thải theo ống thoát khí ra môi trường.

- Khí thải từ 02 máy phát điện dự phòng được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý khí thải kèm theo các máy phát điện, sau đó được dẫn qua ống khói cao 4,0 m xả ra môi trường.

1.2. Hệ thống xử lý khí thải:

- Đối với hệ thống xử lý khí thải từ trạm xử lý nước thải tập trung:

+ Quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) từ bể MBBR (bể hiếu khí) → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ (vật liệu hấp thụ bằng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Công suất xử lý theo thiết kế: 300m³/giờ (theo công suất quạt hút).

- Đối với Khí thải từ máy phát điện dự phòng (phát sinh không liên tục): Được xử lý bằng hệ thống đầu tư đồng bộ với thiết bị máy trước khi thải ra môi trường.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 phần B của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của máy phát điện để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Đối với mùi, khí thải từ các công trình thiết bị thu gom nước thải: Định kỳ bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt; thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun xịt chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước trong khu dự án;

- Đối với mùi, khí thải từ khâu thu gom, lưu giữ chất thải rắn: Yêu cầu các hộ gia đình sống trong tòa nhà thu gom, quản lý chất thải rắn đúng nơi quy định; không phóng uế bừa bãi ra khu vực xung quanh; rác thải sinh hoạt phát sinh tại chung cư sẽ được chuyển đi sau mỗi ngày và không để lưu trữ rác qua đêm tránh việc gây phát sinh mùi, ruồi bọ và nước rỉ rác ra môi trường; tại các kho tập kết rác ở tầng hầm thường xuyên quét dọn, phun xịt chất diệt khuẩn, khử mùi tránh phát sinh mùi hôi thối ra môi trường, rác tập kết phải dọn sạch trong ngày không để qua đêm làm phát sinh ruồi muỗi và mùi.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /12/2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng số 1 và máy phát điện dự phòng số 2.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện đi lại người dân và phương tiện giao thông.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí tại nguồn số 1: Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰ múi chiều 3⁰): X=2191374; Y=583162.

- Vị trí tại nguồn số 2: Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰ múi chiều 3⁰): X=2191356; Y=583186.

- Vị trí tại nguồn số 3: Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰ múi chiều 3⁰): X=2191348; Y=583156.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà chung cư nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /12/2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	200	17 02 03
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ thải	Rắn	100	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	50	16 01 06
4	Dung môi tẩy sơn hoặc véc ni thải	Lỏng	50	08 01 05
5	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	200	11 02 01
6	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	100	16 01 09
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	100	19 06 01
Tổng số lượng			800	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	80.000
Tổng khối lượng		80.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	699,34
2	Sinh khối từ hoạt động cắt tỉa cây xanh, thảm cỏ trong khu dân cư, công viên	15
Tổng khối lượng		714,34

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 110 lít/thùng và có ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa CTNH được bố trí ở tầng hầm 1 của khu nhà chung cư có diện tích 30,0m²; kho lưu chứa được đổ bê tông quét sơn chống thấm, tường xây gạch và được sơn chống thấm; mái bê tông, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.
- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa rác bằng nhựa có nắp đậy loại 50 lít/thùng.
- Thùng chứa bằng composite loại 110 lít/thùng.
- Xe rác chứa, thu gom rác thải loại 0,2m³/xe.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng khu tập kết rác thải sinh hoạt được bố trí ở tầng 1 của khu nhà chung cư có diện tích 50m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được lát nền bằng gạch ceramic chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 2,0 m và ốp bằng gạch ceramic; mái bê tông, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.
- Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt được phun khử mùi hằng ngày.

2.3. Chuyển giao chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải,
- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /12/2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án Chung cư Tecco Center Point tại Lô A, khu 2, Khu đô thị mới Bắc đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thành, hạng mục, công trình phục vụ hoạt động của dự án. Giai đoạn tiếp theo, Chủ dự án phải tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án, gồm:

- Hạng mục trồng cây xanh tại khu vực khuôn viên cây xanh và cảnh quan của dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K=1,2; khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.